Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6307.90.30

Mã HS	6307.90.30
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may / - Loại khác: / - - Tấm phủ ô che cắt sẵn hình tam giác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 07:27:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/63079030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9915
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9915
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9915
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9451
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9402
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9402
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9402
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9402
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9402
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9402
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E9454
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9454

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9454
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9454
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9454
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9454
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9455
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9455
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9455
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9455
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9455
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9455
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9456
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9408
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9414
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9414
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9414
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9414
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9414
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9414
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9439
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9439
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9439
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9439
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9439
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9439
VCFTA	2022	2022	4	VC!D9485
VCFTA	2023	2023	2	VC!E9485

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9485
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9485
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9485
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9485
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9464
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9464
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9464
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9464
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9464
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9464
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D9477
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E9477
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F9477
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G9477
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H9477
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9477
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9487
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9487
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9487
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9487
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9487
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9487
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9486
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9486
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9486
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9486
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9486
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9433
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9433
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9433
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9433
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9433
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9433
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9433
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9471
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9471
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9471
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9471
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9471
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9471
RCEP B	2022	2022	0	B!D9471
RCEP B	2023	2023	0	B!E9471
RCEP B	2024	2024	0	B!F9471
RCEP B	2025	2025	0	B!G9471
RCEP B	2026	2026	0	B!H9471
RCEP B	2027	2027	0	B!I9471
RCEP C	2022	2022	0	C!D9471
RCEP C	2023	2023	0	C!E9471
RCEP C	2024	2024	0	C!F9471
RCEP C	2025	2025	0	C!G9471
RCEP C	2026	2026	0	C!H9471

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9471
RCEP D	2022	2022	0	D!D9470
RCEP D	2023	2023	0	D!E9470
RCEP D	2024	2024	0	D!F9470
RCEP D	2025	2025	0	D!G9470
RCEP D	2026	2026	0	D!H9470
RCEP D	2027	2027	0	D!I9470
RCEP E	2022	2022	0	E!D9474
RCEP E	2023	2023	0	E!E9474
RCEP E	2024	2024	0	E!F9474
RCEP E	2025	2025	0	E!G9474
RCEP E	2026	2026	0	E!H9474
RCEP E	2027	2027	0	E!I9474
RCEP F	2022	2022	0	F!D9471
RCEP F	2023	2023	0	F!E9471
RCEP F	2024	2024	0	F!F9471
RCEP F	2025	2025	0	F!G9471
RCEP F	2026	2026	0	F!H9471
RCEP F	2027	2027	0	F!I9471
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F8767
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G8767
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H8767
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I8767

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6307.90 có 7 dòng thuế; dòng 6307.90.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tấm phủ ô che cắt sẵn hình tam giác.	6307.90.40 Khẩu trang phẫu thuật; 6307.90.61 Phù hợp dùng trong công nghiệp; 6307.90.69 Loại khác; 6307.90.70 Quạt và màn che kéo bằng tay; 6307.90.80 Dây buộc dùng cho giày, ủng, áo nịt ngực (corset) và các loại tương tự(SEN); 6307.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6307.90.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6307.90.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9915), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.